

Số: /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành trên địa bàn tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 148/TTr- SNNMT ngày 13/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng Quy chế phối hợp vận hành trên 27 sông, suối thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai, trong đó:

- 96 công trình đập, hồ chứa thủy điện.
- 36 công trình thủy lợi.

(Danh mục chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành trên địa bàn tỉnh Lào Cai sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương chỉ đạo các tổ chức, cá nhân quản lý vận hành công trình hồ, đập và tổ chức liên quan thực hiện xây dựng quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối đã được phê duyệt tại mục 1 để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt. Hoàn thành trước ngày 30/7/2026.

Triển khai Quyết định này đến các tổ chức, cá nhân quản lý vận hành công trình hồ, đập phải thực hiện xây dựng quy chế phối hợp vận hành; theo dõi chặt chẽ các đập, hồ chứa trên địa bàn tỉnh, đặc biệt trong điều kiện thời tiết bất thường, cực đoan để đảm bảo an toàn công trình và vùng hạ du; chủ động rà soát, kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung vào danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành theo quy định.

2. Giao Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân các xã, phường và Chủ quản lý các công trình đập, hồ chứa được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này:

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện xây dựng quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, thống kê, cập nhật, đề xuất điều chỉnh Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành trên địa bàn tỉnh Lào Cai thuộc phạm vi quản lý.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở: XD, TC, VH TT&DL;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Các chủ dự án theo phụ lục gửi kèm;
- Công thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, KT_{Thủy}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Sinh

**PHỤ LỤC 01: DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA TRÊN SUỐI NẬM ĐÔNG
PHẢI XÂY DỰNG QUY CHẾ PHỐI HỢP VẬN HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa									Hình thức xả	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mực nước dâng bình thường (m)	Mực nước lũ thiết kế (m)	Mực nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)			
1	Thủy điện Nậm Đông III	Xã Trạm Tấu	Công ty CP đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 3	15,6	Số 627/QĐ-UBND ngày 11/5/2009	0,03	0,025	897	901.62	902.43	752,1	1019,9	4,66	tràn tự do	Mùa khô	
						0,01	0,005	893							Mùa mưa	
2	Thủy điện Nậm Đông IV	Xã Trạm Tấu	Công ty CP thủy điện Nậm Đông IV	6,8	Số 627/QĐ-UBND ngày 11/5/2009	0,125	0,075	0,005	470,4	469,5	1605	1205	8,4	tràn tự do		

**PHỤ LỤC 02: DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA TRÊN SÚI NẬM TỨC (NẬM TỨC)
PHẢI XÂY DỰNG QUY CHẾ PHỐI HỢP VẬN HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa									Diện tích tưới (ha)	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)	Hình thức xả		
1	Thủy điện Nậm Tục bậc 2	phường Nghĩa Lộ	Công ty TNHH thủy điện Nậm Tục	3	Số 1629/QĐ-UBND ngày 20/9/2022	0,087	0,038	400	404,75	404,81	341	392	2,49	tràn tự do		
2	Công trình thủy lợi Tà Kọn	xã Liên Sơn	Công ty TNHH Tân Phú			công trình thủy lợi kênh dẫn									182,97	
3	Công trình thủy lợi Suối Đồi	xã Liên Sơn	Công ty TNHH Tân Phú			công trình thủy lợi kênh dẫn									73,99	

**PHỤ LỤC 03: DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA TRÊN SÚI NẠM TIA (HÁT LÌU)
PHẢI XÂY DỰNG QUY CHẾ PHỐI HỢP VẬN HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa									Diện tích tưới (ha)	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)	Hình thức xả		
1	Thủy điện Hát Lìu	Xã Hạnh Phúc	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Yên Bái	4,5	Số 239/QĐ-UBND ngày 10/3/2014	0,783	0,114	825	827,40	828,08	686	864	6,27	tràn tự do		
2	Công trình thủy lợi Nang Phai	phường Cầu Thia	Công ty TNHH Tân Phú			công trình thủy lợi kênh dẫn									638,79	

**PHỤ LỤC 04: DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA TRÊN SUỐI NGÒI MÙ
PHẢI XÂY DỰNG QUY CHẾ PHỐI HỢP VẬN HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa									Diện tích tưới (ha)	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)	Hình thức xả		
1	Thủy điện Nậm Tăng 3	xã: Phình Hồ, Trạm Tấu	Công ty TNHH Đầu tư xây lắp Trường Thành	17,5	Số 1711/QĐ-UBND ngày 25/09/2023	2.817	2.354	788	792,04	793,57	930	1.274	9,8	tràn tự do		
2	Thủy điện Pá Hu	xã: Trạm Tấu, Phình Hồ	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển Trường Thành	26	Số 2887/QĐ-UBND ngày 8/7/2019	1.475	1.004	570	574,65	575,46	1290	1672	12,6	tràn tự do		
3	Công trình thủy lợi Phai Mòn	phường Cầu Thia	Công ty TNHH Tân Phú		công trình thủy lợi kênh dẫn									338,41		

**PHỤ LỤC 05: DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA TRÊN SUỐI NGÒI THIA
PHẢI XÂY DỰNG QUY CHẾ PHỐI HỢP VẬN HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa									Diện tích tưới (ha)	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)	Hình thức xả		
1	Thủy điện Trạm Tấu	xã: Trạm Tấu, Hạnh Phúc, Phình Hồ	Công ty cổ phần thủy điện Trạm Tấu	30	Số 603/QĐ-UBND ngày 26/03/2025	0,985	0,443	637,5	643,17	643,95	1901	2269	16,46	tràn tự do	Nhánh chính của Ngòi Thia	
2	Thủy điện Noong Phai	xã Trạm Tấu và phường Cầu Thia	Công ty Cổ phần Noong Phai	21,2	Số 1485/QĐ-UBND 25/7/2016	0,385	0,09	401	406,94	407,75	2092	2502	26,88	tràn tự do	Nhánh chính của Ngòi Thia	
3	Thủy điện Sài Lương	xã Sơn Lương	Công ty Cổ phần phát triển Sài Lương	4,5	Số 1303/QĐ-UBND ngày 05/08/2022	0,058	0,027	416			401,64	506,12	2,9	tràn tự do	nhánh suối Sùng Đô	
4	Thủy điện Văn Chấn	xã: Sơn Lương, Mỏ Vàng	Công ty Cổ phần Thủy điện	57	Số 352/QĐ-UBND 27/02/2025	5,09	0,99	230	231,53	235,73	5244	7873	64,8	có cửa van		

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa									Diện tích tưới (ha)	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)	Hình thức xả		
			Văn Chấn													
5	Thủy điện Thác Cá 1	xã Mỏ Vàng	Công ty TNHH Xuân Thiện Yên Bái	27	Số 633/QĐ-UBND ngày 12/04/2021	5,716	0,855	116	116	119,15	5420,6	8405,6	96,43	có cửa van		
6	Thủy điện Thác Cá 2	xã Mỏ Vàng	Công ty TNHH Xuân Thiện Yên Bái	14,5	Số 343/QĐ-UBND ngày 25/2/2025	4,799	0,634	78	79,91	84,34	5775,45	8941,42	139,91	có cửa van		
7	Thủy điện Đồng Sung	xã Xuân Ái	Công ty TNHH Xuân Thiện Yên Bái	20	Số 344/QĐ-UBND ngày 25/2/2025	5,982	1,058	62	62,38	65,96	5958,13	9275,33	142,99	có cửa van		
8	Trạm bơm điện Yên Phú	Xã Xuân Ái	Công ty TNHH Yên Phú			công trình thủy lợi kênh dẫn									43,01	
9	Trạm bơm điện Đại Phác	Xã Xuân Ái	Công ty TNHH Yên Phú			công trình thủy lợi kênh dẫn suối									39,92	

**PHỤ LỤC 06: DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA TRÊN SÚI NẬM NHÌ (NGÒI NHÌ)
PHẢI XÂY DỰNG QUY CHẾ PHỐI HỢP VẬN HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa									Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)	Hình thức xả	
1	Thủy điện Chí Lư	xã Phình Hồ và xã Tà Xi Láng	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Yên Bái	15	Số 7245/QĐ-UBND ngày 05/11/2020	2,417	1,803	565,00	569,17	570,02	902	1207	8,28	tràn tự do	
2	Thủy điện Phình Hồ	xã Phình Hồ	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Yên Bái	2,5	Số 1069/QĐ-UBND ngày 18/6/2019	0,912	0,165	341,00	345,06	345,58	1083	1298	9,46	tràn tự do	

**PHỤ LỤC 07: DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA TRÊN SÚI NGÒI HÚT
PHẢI XÂY DỰNG QUY CHẾ PHỐI HỢP VẬN HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa									Diện tích tưới (ha)	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mực nước dâng bình thường (m)	Mực nước lũ thiết kế (m)	Mực nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)	Hình thức xả		
1	Thủy điện Thào Sa Chải	xã Nậm Có	Công ty cổ phần Phát triển Thào Sa Chải	6,5	Số 2665/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	0,0967	0,066	1130	1132,89	1133,5	364	503,3	3,2	tràn tự do		
2	Thủy điện Ngòi Hút 2	Xã: Tú Lệ, Nậm Có	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển Trường Thành	48	Số 3720/QĐ-BCT Ngày 25/07/2011	3,66	0,483	616	620,7	621,27	1,358	2,062	17,72	tràn tự do		
3	Thủy điện Ngòi Hút 2A	xã: Phong Dụ Thượng, Nậm Có	Công ty CP đầu tư xây dựng và phát	8,4	Số 793/QĐ-BCT Ngày 27/04/2016	0,98	0,23	354	359,72	361,51	1,775	2,692	10,46	tràn tự do		

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa									Diện tích tưới (ha)	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)	Hình thức xả		
			triển Trường Thành													
4	Thủy điện Ngòi Hút 1	xã Phong Dụ Thượng	Công ty CP năng lượng Sông Hồng thuộc Tổng công ty XD Sông Hồng	8,4	Số 626/QĐ-BCT Ngày 11/5/2009	3,99	0,83	253	257,49	258,33	1554	1984	27	tràn tự do		
5	Công trình thủy lợi Phiêng Cại	Xã Phong Dụ Thượng	UBND xã Phong Dụ Thượng		công trình thủy lợi kênh dẫn									43,01		

**PHỤ LỤC 08: DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA TRÊN SUỐI NẬM KIM
PHẢI XÂY DỰNG QUY CHẾ PHỐI HỢP VẬN HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa									Hình thức xả	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)			
1	Thủy điện Khao Mang Thượng	xã: Mù Cang Chải, Khao Mang, Lao Chải	Công ty TNHH Xuân Thiện Yên Bái	24,5	Số 349/QĐ-UBND ngày 26/2/2025	13,37	10,62	915	920,3	921	2042	1202	28,8	tràn tự do		
2	Thủy điện Khao Mang	xã: Khao Mang, Lao Chải	Công ty TNHH Xuân Thiện Yên Bái	30	Số 350/QĐ-UBND ngày 26/2/2025	0,511	0,37	806	810,43	810,93	1888	1629	29,37	tràn tự do		
3	Thủy điện Hồ Bốn	xã Khao Mang	Công ty CP thủy điện Hồ Bốn	18	Số 812/QĐ-UBND ngày 04/06/2010	0,423	0,301	685	691,39	692,2	2397	2965	20,3	tràn tự do		
4	Thủy điện Mường Kim	xã Khao Mang	Công ty CP thủy điện Mường Kim	13,5	Số 602/QĐ-UBND ngày 26/03/2025	0,385	0,163	582,00	556,03	556,73	2.568	3.275	26,19	tràn tự do		

**PHỤ LỤC 09: DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA TRÊN SUỐI NẬM TRAI
PHẢI XÂY DỰNG QUY CHẾ PHỐI HỢP VẬN HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa									Hình thức xả	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)			
1	Thủy điện Mí Háng Tàu	xã Chế Tạo	Cty TNHH Quang Đạt	5	Số 2675/QĐ-UBND ngày 14/12/2018	0,237	0,062	620	622,44	622,91	252	333	1,953	tràn tự do		
2	Thủy điện Phìn Hồ	xã Chế Tạo	Cty TNHH Quang Đạt	10	Số 332/QĐ-UBND ngày 03/03/2027	0,497	0,142	493,7	498,54	499,44	1191	1559	7,05	tràn tự do		

**PHỤ LỤC 10: DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA TRÊN SÔNG CHẢY
PHẢI XÂY DỰNG QUY CHẾ PHỐI HỢP VẬN HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa									Hình thức xả	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)			
1	Thủy điện Pa Ke	xã Si Ma Cai	Công ty CP Sông Đà 9	26	Số 236/QĐ-BCT ngày 31/01/2019	30,986	1,875	265	265	267,21	2762,1	3804,8	71,9	có cửa van		
2	Thủy điện Bắc Hà	xã Bảo Nhai	Công ty CP thủy điện Bắc Hà	90	Số 2042/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	170,9	103,6	180	180,33	182,36	3910	5260	187,2	có cửa van		
3	Thủy điện Bảo Nhai 1	xã Bảo Nhai	Công ty cổ phần LICOGI 14	14	Số 2471/QĐ-UBND ngày 14/07/2021	2,828	1,001	120,5	122,22	123,8	4.020	5.060	258,06	có cửa van		
4	Thủy điện Bảo Nhai 2	Xã Bảo Nhai và xã Cốc Lầu	Công ty cổ phần LICOGI 14	14,5	Số 2472/QĐ-UBND ngày 14/07/2021	5,513	0,599	113,5	113,5	113,74	4.160	5.280	285,71	có cửa van		
5	Thủy điện Nậm Phàng	Xã Bản Liền	Công ty CP NL Bắc Hà	36	Số 2938/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	2.793	1.083	418	419,24	420,23	1228	1731	18,06	Có cửa van		

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa									Hình thức xả	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)			
6	Thủy điện Cốc Đàm	Xã Cốc Lâu	Công ty TNHH XD Hoàng Sơn	7,5	2124/QĐ-UBND ngày 04/9/2007	0,293	0,191	178	183,28	183,83	735	851	13,89	Tràn tự do		
7	Thủy điện Nậm Lức	Xã Cốc Lâu	CT CP TĐ Đông Nam á Nậm Lức	24	Số 1087/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	8,74	3,49	107	107,31	109,9	4410	5610	297,37	có cửa van		
8	Thủy điện Vĩnh Hà	Xã Cốc Lâu, xã Thượng Hà, xã Xuân Hòa	CT CP ĐTXD&TM Quốc tế (ICT)	21	Số 10961/QĐ-BCT ngày 12/10/2015	9.98	2.97	94.5	94.5	95.46	4160	5470	197	có cửa van		
9	Thủy điện Phúc Long	Xã Phúc Khánh	Công ty Cổ phần thủy điện Phúc Long	22	Số 1037/QĐ-UBND ngày 01/04/2021	7,11	1,8	74,5	75,5	77,59	4480	5960	334.4	có cửa van		

**PHỤ LỤC 11: DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA TRÊN SUỐI NGÒI SAN
PHẢI XÂY DỰNG QUY CHẾ PHỐI HỢP VẬN HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa									Diện tích tưới (ha)	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)	Hình thức xả		
1	Thủy điện Mây Hồ	Xã Ngũ Chỉ Sơn	Công ty TNHH Năng lượng Mây Hồ	6,5	Số 3592/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	0,0678	0,0497	10820	11084,63	1085,2	485	663	4,25	tràn tự do		
2	Thủy điện Sùng Vui	Xã Ngũ Chỉ Sơn, xã Bát Xát	Công ty CP thủy điện Leader Nam Tiến	18	Số 928/QĐ-UBND ngày 27/8/2025	0,177	0,061	802	806,99	808,5	928	1410	4,7	tràn tự do		
3	Thủy điện Trung Hồ	xã Bát Xát	Công ty CP thủy điện Leader Nam Tiến	8,4	Số 929/QĐ-UBND ngày 27/8/2025	2,09	1490	954	958,2	959,25	470	660	2,8	tràn tự do		
4	Thủy điện Vạn Hồ	xã Bát Xát	Công ty CP thủy điện Leader Nam Tiến	4,5	Số 2562/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	0,182	0,022	160,5	166	167	1296	1607	14,24	tràn tự do		
5	Thủy điện Ngòi Xan 1	xã Bát Xát	Công ty CP thủy điện Leader Nam Tiến	10,5	Số 2560/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	0,018	0,0158	300	305,35	306,36	734	887	9,65	tràn tự do		

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa									Diện tích tưới (ha)	Ghi chú	
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)	Hình thức xả			
						0,016	0,093	300	305,72	306,95	808	977					
6	Thủy điện Ngòi Xan 2	xã Bát Xát	Công ty CP thủy điện Leader Nam Tiến	18,1	Số 2661/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	0,0175	0,006	565	569,6	570,55	640	844	3,94	tràn tự do			
7	Công trình thủy lợi Làng San - Lang Păn	xã Bát Xát	UBND xã Bát Xát			công trình thủy lợi kênh dẫn										53,5	
8	Công trình thủy lợi Láo Vàng	xã Bát Xát	UBND xã Bát Xát			công trình thủy lợi kênh dẫn										20	
9	Công trình thủy lợi Khú Trù	xã Bát Xát	UBND xã Bát Xát			công trình thủy lợi kênh dẫn										10	

**PHỤ LỤC 12: DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA TRÊN SUỐI NGÒI PHÁT
PHẢI XÂY DỰNG QUY CHẾ PHỐI HỢP VẬN HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa								Diện tích tưới (ha)	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)		
1	Thủy điện Pờ Hồ	Xã Mường Hum	Công ty ĐTXD Hạ tầng và Giao thông	13,2	Số 1065/QĐ-UBND ngày 23/04/2019	0,435	0,349	1275	1278	1278,55	440,44	564,77	3,81	tràn tự do	
2	Công trình thủy lợi Thôn Phìn Páo	Xã Mường Hum	UBND Xã Mường Hum			công trình thủy lợi kênh dẫn								86	
3	Thủy điện Tà Lơi 2	Xã Mường Hum	Công ty ĐTXD Hạ tầng và Giao thông	12	Số 304/QĐ-UBND ngày 29/01/2015	0,075	0,033	833	836,96	837,66	1506	1926	9.414	tràn tự do	
4	Công trình thủy lợi Sáo Tả Pờ Hồ	Xã Mường Hum	UBND Xã Mường Hum			công trình thủy lợi kênh dẫn								76,11	

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa									Diện tích tưới (ha)	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)	Hình thức xả		
5	Công trình thủy lợi Thôn Xéo Tả Lé	Xã Mường Hum	UBND Xã Mường Hum			công trình thủy lợi kênh dẫn									70	
6	Thủy điện Tả Lơi 3	Xã Mường Hum	Công ty ĐTXD Hạ tầng và Giao thông	7,5	Số 2311/QĐ-UBND ngày 11/09/2012	0,075	0,06	660	664,13	665,50	1515	2146	11,95	tràn tự do		
7	Công trình thủy lợi Pin Cai	xã Mường Hum	UBND xã Mường Hum			công trình thủy lợi kênh dẫn									40,02	
8	Thủy điện Nậm Hô	xã Dền Sáng	Công ty CP PTNL Đông Nam Á	7,5	Số 1749/QĐ-UBND ngày 17/06/2009	0,1803	0,1353	755	759,37	760,29	1134	1451	7	tràn tự do		
9	Thủy điện Nậm Pung	Xã Mường Hum	Công ty CP thủy điện Nậm Pung Intracom	9,3	Số 2084/QĐ-UBND ngày 29/07/2008	0,30778	0,1704	910		913,35	492		3.456	tràn tự do		

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa									Diện tích tưới (ha)	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)	Hình thức xả		
10	Thủy điện Mường Hum	Xã Bản Xèo	Cty TNHH MTV Thủy điện Mường Hum	32	Số 1806/QĐ-UBND ngày 10/6/2025	2,14	0,82	555	555	555,62	3342	4710	33,14	có cửa van		
11	Công trình thủy lợi Cán Tỷ	Xã Bản Xèo	UBND xã Bản Xèo		công trình thủy lợi kênh dẫn									20		
12	Thủy điện Bản Xèo	Xã Bản Xèo	Công ty CP Thủy điện Mường Hum	2,8	2936/QĐ-UBND ngày 21/9/2018	0,0269	0,0238	735	736,87	737,27	217	262	1,49	tràn tự do		
13	Thủy điện Ngòi Phát/Ngòi Phát mở rộng	Xã Bản Xèo	Công ty CPĐT&PTĐ Miền Bắc 2	72	Số 1158/QĐ-UBND ngày 28/04/2020	2.099	1.376	435	437,03	439,34	3,713	4,555	32,72	Tràn tự do kết hợp có cửa van		
14	Thủy điện Phố Cũ	Xã Bản Xèo	Công ty cổ phần phát triển Thăng Long - Phố Cũ	4	QĐ số 4151/QĐ-UBND ngày 20/12/2018	0,032	0,027	257	260,07	260,33	482,2	547,2	3,54	tràn tự do		

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa									Diện tích tưới (ha)	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10^6m^3)	Dung tích hữu ích (10^6m^3)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m^3/s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m^3/s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m^3/s)	Hình thức xả		
12	Công trình thủy lợi 1,2,3	xã Bát Xát	UBND xã Bát Xát			công trình thủy lợi kênh dẫn									112,12	

**PHỤ LỤC 13: DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA TRÊN SUỐI NẬM THA
PHẢI XÂY DỰNG QUY CHẾ PHỐI HỢP VẬN HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa									Diện tích tưới (ha)	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)	Hình thức xả		
1	Thủy điện Nậm Tha 3	xã Chiềng Ken	Công ty CP thủy điện Nậm Tha	18	Số 3438/QĐ-BCT ngày 24/9/2018	2,79	2,19	1123	1127,94	1128,5	720	990	7,75	tràn tự do		
2	Thủy điện Nậm Tha 4	xã Chiềng Ken	Công ty CP thủy điện Nậm Tha	17	Số 1654/QĐ-UBND ngày 18/5/2021	0,064	0,018	816/847	820,6/847	821,9/847,77	770/108	1076/140	9,96	tràn tự do		
3	Thủy điện Nậm Tha 5	xã Chiềng Ken	Công ty CP thủy điện Nậm Tha	13.5	Số 526/QĐ-UBND ngày 07/3/2022	0,112/0,132	0,037/0,036	595/595	595/596	595,6/595	840/79	1150/109	7,62	Tràn tự do kết hợp có cửa van		
4	Thủy điện Nậm Tha 6	xã Chiềng Ken	Công ty CP Phát triển Năng lượng Minh Long	6	Số 4717/QĐ-UBND	0,16	0,09	348	353,68	355,02	856	1132	10,14	tràn tự do		

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa									Diện tích tưới (ha)	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10^6m^3)	Dung tích hữu ích (10^6m^3)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m^3/s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m^3/s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m^3/s)	Hình thức xả		
					ngày 31/12/2021											
5	Thủy lợi Phiêng Tha-Bè 1	xã Chiềng Ken	UBND xã Chiềng Ken		công trình thủy lợi kênh dẫn									44		

**PHỤ LỤC 14: DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA TRÊN SUỐI CHÚT
PHẢI XÂY DỰNG QUY CHẾ PHỐI HỢP VẬN HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa								Diện tích tưới (ha)	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)		
1	Thủy điện Suối Chút 1	Xã Văn Bàn, xã Dương Quý	Công ty CPĐT&XD Cộng Lực	7	Số 4718/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	0,117	0,8	600	600,61	600,7	10,6	12,8	3,5	tràn tự do	
2	Thủy điện Suối Chút 2	Xã Văn Bàn	Công ty CPĐT&XD Cộng Lực	3	Số 09/QĐ-UBND ngày 06/01/2020	0,907	0,828	317,5	318,36	318,5	447	557	4,6	tràn tự do	
3	Thủy lợi Phai Luông	Xã Văn Bàn	UBND xã Văn Bàn		công trình thủy lợi kênh dẫn								159		

**PHỤ LỤC 15: DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA TRÊN SUỐI NẬM XÂY LUÔNG
PHẢI XÂY DỰNG QUY CHẾ PHỐI HỢP VẬN HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa								Diện tích tưới (ha)	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)		
1	Thủy điện Nậm Xây Luông 3	Xã Minh Lương	Công ty CP Phát triển Năng lượng Hà Thành	13,5	Số 1016/QĐ-UBND ngày 28/4/2023	2,8	2,67	970	972,95	973,55	497	674	11,18	tràn tự do	
2	Thủy điện Nậm Xây Luông 4-5	Xã Minh Lương	Công ty CP thủy điện Nậm Xây	30	số 758/QĐ-UBND ngày 20/03/2025	0,2	0,155	805	808,79	809,74	670	950	12,38	tràn tự do	
3	Thủy điện Nậm Xây Luông	xã Minh Lương	Công ty CP phát triển năng lượng Hà Thành	15,5	Số 1015/QĐ-UBND ngày 28/04/2023	0,467	0,311	484	484,05	484,6	1210,6	1458,2	27,23	Có cửa van	
4	Thủy điện Nậm Xây Nội 2	Xã Nậm Xé, Xã Minh Lương	Công ty CP TĐ Nậm Xây Nội 2	15	Số 1611/QĐ-UBND ngày 21/5/2025	0,1224	0,0953	844	887,45	887,91	435,9	525,6	5,57	tràn tự do	

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa									Diện tích tưới (ha)	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10^6m^3)	Dung tích hữu ích (10^6m^3)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m^3/s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m^3/s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m^3/s)	Hình thức xả		
5	Công trình thủy lợi Nà Doong	Xã Minh Lương	UBND xã Minh Lương			công trình thủy lợi kênh dẫn									31,8	
6	Công trình thủy lợi Vành Pèng	Xã Minh Lương	UBND xã Minh Lương			công trình thủy lợi kênh dẫn									9,37	

**PHỤ LỤC 16: DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA TRÊN SUỐI NẬM KHÓA (MINH LƯƠNG/NGÒI NHÙ)
PHẢI XÂY DỰNG QUY CHẾ PHỐI HỢP VẬN HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa								Diện tích tưới (ha)	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)		
1	Thủy điện Nậm Khóa 3	Xã Nậm Xé	Công ty cổ phần Linh Linh	28	Số 603 /QĐ-UBND, ngày 22/03/2023; Điều chỉnh số 612/QĐ-UBND, ngày 23/03/2023	0,937	0,68	912,2	915,51	915,97	495	600,2	9,22	tràn tự do	
2	Thủy điện Nậm Mu	Xã Nậm Xé	Công ty CP ĐT&PTNL Hồng Hà	10	Số 1943/QĐ-UBND ngày 31/7/2024	0,107	0,089	1171	1171,44	1171,5	226,7	227,9	1,839	tràn tự do	
3	Thủy điện Tu Trên	Xã Nậm Xé	Công ty TNHH Xây lắp Cương Linh	2,8	Số 1553/QĐ-UBND ngày 27/6/2023	0,0264	0,0134	682	684,7	685,05	364	442	1,62	tràn tự do	

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa									Diện tích tưới (ha)	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)	Hình thức xả		
4	Thủy lợi Pom Háo	xã Nậm Xé	UBND xã Nậm Xé		công trình thủy lợi kênh dẫn									33,65		
5	Thủy Lợi Nà Sài	xã Nậm Xé	UBND xã Nậm Xé		công trình thủy lợi kênh dẫn									16,2		
6	Thủy Lợi Hong Cải	Xã Mường Hum	UBND xã Mường Hum		công trình thủy lợi kênh dẫn									67		
7	Thủy điện Nậm Xây Luông	xã Minh Lương	Công ty CP phát triển năng lượng Hà Thành	15,5	Số 1015/QĐ-UBND ngày 28/04/2023	0,467	0,311	484	484,05	484,6	1210,6	1458,2	27,23	Có cửa van		
8	Thủy điện Minh Lương Thượng	xã Dương Quý	Công ty CP phát triển thủy điện	16	Số 3754/QĐ-UBND ngày 22/10/2021	1,786	0,841	408	411,97	412,91	1732	2331	34,4	Tràn tự do kết hợp có cửa van		
9	Thủy lợi Nậm Mu	Xã Mường Hum	UBND xã Mường Hum		công trình thủy lợi kênh dẫn									80		

**PHỤ LỤC 17: DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA TRÊN SUỐI NẬM KHẮT
PHẢI XÂY DỰNG QUY CHẾ PHỐI HỢP VẬN HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa									Diện tích tưới (ha)	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)	Hình thức xả		
1	Thủy điện Nậm Khắt	Xã Nậm Chày, xã Dương Quỳ	Công ty CP PTNL Đông Nam á	13,5	Số 4681/QĐ-UBND ngày 21/12/2020	0,224	0,204	401	404,42	405,15	948,4	1115,3	11,5	tràn tự do		
2	Thủy điện Minh Lương	xã Dương Quỳ	Công ty cổ phần phát triển năng lượng Minh Lương	30	Số 4719/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	0,948	0,43	350	354,68	356,2	1830	2610	35,24	tràn tự do		
3	Thủy điện Suối Chăn 1	xã Văn Bàn	Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng phát triển Năng lượng PDCI	30	Số: 3025/QĐ-UBND ngày 28/04/2021	2,76	0,59	203	203,26	205,24	2510	3230	54	Có cửa van		

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa									Diện tích tưới (ha)	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10^6m^3)	Dung tích hữu ích (10^6m^3)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m^3/s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m^3/s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m^3/s)	Hình thức xả		
4	Thủy điện Suối Chăn 2	xã Võ Lao	Công ty cổ phần đầu tư Năng lượng VIDIFI	16	Số 4066/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	1,39	0,44	127,5	134,62	135,77	3.395	4.089,6	61,72	Tràn tự do kết hợp Có cửa van		
5	Thủy lợi Nậm Khắt	xã Dương Quỳ	UBND xã Dương Quỳ		công trình thủy lợi kênh dẫn									92		

**PHỤ LỤC 18: DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA TRÊN SUỐI PHÚ MẬU
PHẢI XÂY DỰNG QUY CHẾ PHỐI HỢP VẬN HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa								Diện tích tưới (ha)	Ghi chú		
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)			Hình thức xả	
1	Thủy điện Phú Mậu 1	xã Khánh Yên	Công ty TNHH Tân An	2,4	không có hồ chứa								226	372	1,25	Tràn tự do	
2	Thủy điện Phú Mậu 2	xã Khánh Yên	Công ty TNHH Tân An	1,8	không có hồ chứa								304	379	2	Tràn tự do	
3	Thủy điện Phú Mậu 3	xã Khánh Yên	Công ty TNHH Tân An	1,4	không có hồ chứa								319	402	2,4	Tràn tự do	
4	Thủy Lợi Ta Cô-Phai con tàu	xã Khánh Yên	UBND xã Khánh Yên		công trình thủy lợi kênh dẫn											160	
5	Thủy Lợi Phai Lay	xã Chiềng Ken	UBND xã Chiềng Ken		công trình thủy lợi kênh dẫn											100	

**PHỤ LỤC 19: DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA TRÊN SUỐI BẮC NÀ
PHẢI XÂY DỰNG QUY CHẾ PHỐI HỢP VẬN HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa									Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)	Hình thức xả	
1	Thủy điện Thái Giàng Phò	xã Bắc Hà	Công ty TNHH Anh Nguyên	1,5	không có hồ chứa				485,22	484,38	576	737	1,73	tràn tự do	
2	Thủy điện Bắc Nà 1	xã Bắc Hà	Công ty CP Điện Bắc Nà	2,8	Số 4516/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	0,05	0,031	894	895,7	896	195	235	2,7	Tràn tự do	
3	Thủy điện Bắc Nà	Xã Bắc Hà, xã Bản Liên	Công ty CP Điện Bắc Nà	17	Số 7018/QĐ-UBND ngày 09/05/2023	0,259	0,099	764	768,7	769,96	701,71	996,96	7,286	Tràn tự do	

**PHỤ LỤC 20: DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA TRÊN SUỐI BẢN LIÊN
PHẢI XÂY DỰNG QUY CHẾ PHỐI HỢP VẬN HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa									Hình thức xả	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)			
1	Thủy điện Nậm Khánh	Xã Bản Liên	Chi nhánh Sông Đà 905 - Công ty CP Sông Đà 9	12	Số 2292/QĐ-UBND ngày 09/09/2010	0,239	0,156	707	709,81	710,46	470	690	8,6	Tràn tự do		
2	Thủy điện Nậm Phàng B	Xã Bản Liên	Công ty CP NL Bắc Hà	4,5	Số 2186/QĐ-UBND ngày 27/06/2025	0,208	0,071	452,0	455,58	456,26	1092	1370	18,98	Tràn tự do		
3	Thủy điện Nậm Phàng	Xã Bản Liên	Công ty CP NL Bắc Hà	36	Số 2938/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	2.793	1.083	418	419,24	420,23	1228	1731	18,06	Có cửa van		
4	Thủy điện Cốc Đàm	Xã Cốc Lâu	Công ty TNHH XD Hoàng Sơn	7,5	2124/QĐ-UBND ngày 04/9/2007	0,293	0,191	178	183,28	183,83	735	851	13,89	Tràn tự do		

**PHỤ LỤC 21: DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA TRÊN SUỐI NGÒI ĐUM
PHẢI XÂY DỰNG QUY CHẾ PHỐI HỢP VẬN HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa									Hình thức xả	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)			
1	Thủy điện Móng Sến	Xã Tả Phìn	Công ty CP ĐT Năng lượng VIDIFI	6	Số 1498/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	0,044	0,034	1030	1033,32	1033,58	395	499	2,45	Tràn tự do		
2	Thủy điện Cốc San	Xã Tả Phìn, xã Cốc San	Công ty CP năng lượng tái tạo Lào Cai Việt Nam	29,7	Số 3526/QĐ-UBND ngày 26/12/2024	0,2316	0,1039	702	705,66	706,14	1264	1541	7,2	Tràn tự do		
3	Thủy điện Cốc San Hạ	Xã Cốc San	Công ty TNHH MTV khoáng sản Lào Cai	3,7	không có hồ chứa			145,0			1.395	1.598	8,9	Tràn tự do		

**PHỤ LỤC 22: DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA TRÊN SÚI NGÒI BÒ
PHẢI XÂY DỰNG QUÝ CHẾ PHỐI HỢP VẬN HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa										Diện tích tưới (ha)	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)	Hình thức xả			
1	Thủy điện Lao Chải	Phường Sa Pa	Công ty TNHH thủy điện Lao Chải	2,4	Số 2860/QĐ-UBND ngày 07/11/2024	0,436	0,352	1055	1060,4	1061,2	749	922	4,8	Tràn tự do			
2	Thủy điện Sáo Choong Hồ	Xã Tả Van	Công ty TNHH đầu tư điện lực Việt-Trung	30	QĐ số: 647/QĐ-UBND ngày 25/03/2022	7.6	5.5	1562	1562.08	1562.48	480	639	4.38	Có cửa van			
3	Thủy điện Sừ Pán 1	Xã Tả Van	Công ty CP Công nghiệp Việt Long	30	Số 2825/QĐ-BCT ngày 10/08/2018	2,062	1,595	930	930	931,14	2003	2030	16,99	Có cửa van			

4	Thủy điện Sứ Pán 2	xã Bản Hồ	Công ty Cổ phần thủy điện Sứ Pán 2	34,5	Số 2009/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	0,372	0,126	680	686,53	689,09	2016,81	2911,07	15,94	Tràn tự do		
5	Thủy lợi Ná Nả Đon	Xã Tả Van	UBND xã Tả Van		công trình thủy lợi kênh dẫn										3	
6	Thủy điện Nậm Toóng	xã Bản Hồ	Công ty TNHH MTV thủy điện Sa Pa	34	Số 2152/QĐ-UBND ngày 20/7/2009	610	135	850	854,77	855,27	1579,2	2232,2	10	Tràn tự do		
7	Thủy điện Nậm Sài	Xã Mường Bo	Công ty CP Công nghiệp Việt Long	19	Số 646/QĐ-UBND ngày 25/03/2022	0,741	0,625	593,4	597,82	599,1	1250	1740	13	Tràn tự do		
8	Thủy điện Bản Hồ	xã Bản Hồ	Công ty CP Công nghiệp Việt Long	10	Số 4758/QĐ-UBND ngày 21/12/2020	1,802	1,08	406	406	408,72	3000	4130	59,81	Tràn tự do		
9	Thủy điện Nậm Cùn	Xã Mường Bo	Công ty CP Xây dựng và Thương mại 299	40	Số 2023/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	1,63	0,61	385	385	387,64	4071	5569	46,2	Có cửa van		
10	Thủy điện Nậm Cùn 2	Xã Mường Bo	Công ty cổ phần xây dựng và thương mại 299	15	không có hồ chứa									Tràn tự do		

11	Thủy điện Tà Thàng	Xã Gia Phú	Công ty CP Điện VIETRACIMEX Lào Cai	60	Số 2513/QĐ- UBND ngày 27/10/2022	1,85	1,02	252	252	252	4415	5887	46,8	Có cửa van		
----	--------------------------	---------------	---	----	--	------	------	-----	-----	-----	------	------	------	------------------	--	--

**PHỤ LỤC 23: DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA TRÊN SUỐI NẬM NHÙN
PHẢI XÂY DỰNG QUY CHẾ PHỐI HỢP VẬN HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa									Hình thức xả	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)			
1	Thủy điện Nậm Nhùn 1	Xã Tầng Loỏng	Công ty TNHH XD Hoàng Sơn	7	3282/QĐ-UBND ngày 20/7/2017	0,083	0,054	380	380	380	44,5	56,6	3,34	Tràn tự do		
2	Thủy điện Nậm Nhùn 2	Xã Tầng Loỏng	Công ty TNHH XD Hoàng Sơn	10	926/QĐ-UBND ngày 11/4/2019	0,116	0,039	960	961,71	962,01	145,8	190,2	2,16	Tràn tự do		
3	Công trình thủy lợi thôn Nhuần 3	Xã Tầng Loỏng	UBND xã Tầng Loỏng			công trình thủy lợi kênh dẫn								429,5		

**PHỤ LỤC 24: DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA TRÊN SUỐI NGÒI ĐƯỜNG
PHẢI XÂY DỰNG QUY CHẾ PHỐI HỢP VẬN HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa							Diện tích tưới (ha)	Ghi chú	
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)			Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)
1	Thủy điện Ngòi Đường 1	Xã Hợp Thành	Công ty CP Thủy điện Lào Cai	6,4	Không có hồ chứa			795,2	0	0	369	464	2,32	tràn tự do	
2	Trung Thủy Nông	Xã Hợp Thành	UBND xã Hợp Thành		công trình thủy lợi kênh dẫn							639,25			
3	Thủy lợi Chảo Kèm Heng	Xã Hợp Thành	UBND xã Hợp Thành		công trình thủy lợi kênh dẫn							12			

**PHỤ LỤC 25: DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA TRÊN SUỐI TRÁT
PHẢI XÂY DỰNG QUY CHẾ PHỐI HỢP VẬN HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa								Diện tích tưới (ha)	Ghi chú	
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)			Hình thức xả
1	Thủy điện suối Trát	xã Tầng Loỏng	Công ty TNHH XD&TM Tân Bình Minh	2,4	Số 63/QĐ-TBM ngày 10/12/2019	0,019	0,015	347,0			350,7	217	276	1,387	tràn tự do	
2	Công trình thủy lợi Tầng Loỏng	xã Tầng Loỏng,	UBND xã Tầng Loỏng			công trình thủy lợi kênh dẫn								34,5		
3	Công trình thủy lợi Thác Trắng	xã Tầng Loỏng,	UBND xã Tầng Loỏng			công trình thủy lợi kênh dẫn								31,5		

**PHỤ LỤC 26: DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA TRÊN SUỐI THÀU
PHẢI XÂY DỰNG QUY CHẾ PHỐI HỢP VẬN HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa								Diện tích tưới (ha)	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)		
1	Thủy điện Ngòi Đường 2	xã Hợp Thành	Công ty CP Thủy điện Lào Cai	5	Không có hồ chứa			428,5	Không có thông số	Không có thông số	591	752	2,5	tràn tự do	
2	Thủy lợi Chảo Ông Lai	xã Hợp Thành	UBND xã Hợp Thành		công trình thủy lợi kênh dẫn								6		

**PHỤ LỤC 27: DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA TRÊN SUỐI NẬM SIN (NA NHUNG)
PHẢI XÂY DỰNG QUY CHẾ PHỐI HỢP VẬN HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Công trình xây dựng đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư/Chủ quản lý	Công suất (MW)	Quy trình vận hành hồ chứa	Thông số kỹ thuật của hồ chứa								Diện tích tưới (ha)	Ghi chú
						Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mức nước dâng bình thường (m)	Mức nước lũ thiết kế (m)	Mức nước lũ kiểm tra	Lưu lượng lũ thiết kế (m ³ /s)	Lưu lượng lũ kiểm tra (m ³ /s)	Lưu lượng phát điện lớn nhất (m ³ /s)		
1	Thủy điện Tà Lạt	Xã Bản Lầu	Công ty CP Đầu tư XD thương mại Mạnh Trường	3	11/QĐ.MT ngày 29/3/2025	Không có hồ chứa	180	Không có thông số	Không có thông số	1168	1430	7,74	tràn tự do		
2	Thủy lợi Tà Nạt	Xã Bản Lầu	UBND xã Bản Lầu		công trình thủy lợi kênh dẫn								4,5		